

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 12 - 2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Đô

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Thanh Trí

2. Bà Hồ Nguyễn Phượng Anh Hương Thoa

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Tân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1985 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P T, thị trấn N S, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Anh Mai Nhật A, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T Th A, xã T L T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn ngày 07/7/2021 và quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị U trình bày: Chị với anh Mai Nhật A tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T L T vào ngày 25/12/2018. Trong quá trình chung sống có

mâu thuẫn với mẹ chồng và em chồng, chị có tâm sự với anh Mai Nhật A nhưng bị anh làm ngơ, bỏ mặc và ngày càng có thái độ lạnh nhạt tình cảm với chị. Do tình cảm không còn nên chị đã về nhà mẹ ruột ở trên 4 tháng nay. Nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn nên ngày 02/12/2021 chị U làm đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Nhật A.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Mai Nhật A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai những vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Nguyễn Thị U được ly hôn với anh Mai Nhật A; Về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết; về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị U và anh Mai Nhật A do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên chị U yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nhật A, anh Nhật A cư trú tại ấp Trường Thuận, xã T L T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Mai Nhật A vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Mai Nhật A.

[3] Xét về giải quyết nội dung vụ án:

[3.1] Xét về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị U và anh Mai Nhật A được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, ngày 25/12/2018 chị U và anh Nhật A được Ủy ban nhân dân xã T L T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75 nên hôn nhân giữa chị U và anh Nhật A là hôn nhân hợp pháp. Do chị U và anh Nhật A mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân mà không giải quyết được, chị U làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nhật A. Ngày 02/12/2021 Tòa án cho các đương sự hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Nhật A vắng mặt, chị U có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vì chị cho rằng không thể hàn gắn được, mâu thuẫn của cả hai đã trở nên trầm trọng và vợ chồng chị đã ly thân. Xét tình trạng hôn nhân của chị U và anh Nhật A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, chị U và anh Nhật A đã ly thân nên dẫn đến cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị U được ly hôn với anh Mai Nhật A.

[3.2] Xét về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị U khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc chị Nguyễn Thị U phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị U.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị U được ly hôn với anh Mai Nhật A.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị U phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị U đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0011529 ngày 28/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (chị U đã nộp xong).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thành Đô**